

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 37/2021/DSPT

Ngày 25-02-2021

V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất vô
hiệu và Tranh chấp về thừa kế
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về: “ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và Tranh chấp về thừa kế tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường A1, khu phố B, phường C, thành phố C1, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973; cùng cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967, có mặt.
2. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969;
3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1972, có mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

6. Anh Nguyễn Văn M2, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, ông S1, chị L, anh M, chị N, anh M: Ông Huỳnh Văn Á, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường C1, khu phố B, phường C, thành phố C1, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

7. Bà Trần Thị Hồng S2, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp H, xã H1, huyện H2, tỉnh Tây Ninh, có xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn Á là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Văn Á trình bày:

Cha của ông H là cụ Nguyễn Văn Th và mẹ cụ Huỳnh Thị B có 9 người con gồm: ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn M2, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn H, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn sống, cụ Th và cụ B có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-9-2013, trên đất có căn nhà cấp 4, nguồn gốc đất do ông Th và bà B mua lại của người khác (ngoài phần đất tranh chấp còn có 02 phần đất nữa nhưng không tranh chấp do cụ Th, cụ B còn đứng tên). Cụ Th chết ngày 24-12-2017, cụ B chết ngày 05-6-2015. Hai cụ chết không để lại di chúc. Ông T và ông C làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất từ cụ Th và cụ B sang cho ông T, và ông C, được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 20-5-2015, cụ Th bị bệnh nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não từ năm 2014 đến thời điểm ký hợp đồng thì cụ Th bị bệnh tai biến mạch máu não lần 2, cụ thể bị liệt tay phải, không làm chủ hành vi, còn cụ B thì bệnh nặng không làm chủ được năng lực hành vi, cho thấy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là giả tạo, có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật. Nay ông H yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Văn Th và cụ Huỳnh Thị B cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn C được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 20-5-2015 và chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng đất diện tích 415,1 m² theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Thông nhất lời trình bày của ông H về quan hệ huyết thống, di sản do cha, mẹ để lại là phần đất diện tích 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B; Phần đất diện tích 500 m² thửa số 277, tờ bản đồ số 17, tại ấp A1, xã A2; Phần đất ruộng diện tích 5.800 m², tờ bản đồ số 23, tại ấp A1, xã A2. Đối với phần đất diện tích 415,1 m² cha mẹ ông đã tặng cho ông và C, ông đang quản lý sử dụng, 02 phần đất còn lại cha ông còn đứng tên, đang bỏ trống không ai quản lý. Cha mẹ không tự nguyện lập hợp đồng tặng cho đất cho ông và ông C, do ông C yêu cầu ông ký tên vào giấy để đi vay tiền lo thuốc thang cho cha mẹ, ông không đọc lại mà vẫn ký tên, sau này mới biết đó là hợp đồng cha mẹ tặng cho đất hai người. Cha bị tai biến lần 2, liệt nửa người bên trái, mẹ bị khô phổi, nằm một chỗ, không còn minh mẫn, không biết gì nữa. Cha mẹ ông không đến Ủy ban nhân dân xã B làm hợp đồng tặng cho do nằm liệt ở nhà nên không đi lại được. Cán bộ tư pháp và cán bộ địa chính không đến nhà cho cha mẹ ông lăn tay, ký tên vào hợp đồng tặng cho đất ngày 20-5-2015. Khi mẹ ông chết thì ông C là người đi khai tử. Ông không biết phần đất có diện tích 415,1 tặng cho ông và ông C mỗi người bao nhiêu, chỉ đến khi ông C tranh chấp mới biết là đứng tên giấy chứng nhận đất do cha mẹ cho. Ông đồng ý trả lại phần đất 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, Tây Ninh cho tất cả anh em, yêu cầu chia thừa kế phần đất này theo quy định của pháp luật. Ông T rút yêu cầu chia 02 phần đất hiện do cụ Th đứng tên.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Thông nhất lời trình bày của ông H về quan hệ huyết thống. Cha mẹ ông chết có để lại phần đất diện tích 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B; Một phần đất diện tích 500 m² thửa số 277, tờ bản đồ số 17, tại ấp A1, xã A2; Một phần đất ruộng diện tích 5.800 m², tờ bản đồ số 23, tại ấp A1, xã A2. Hiện phần đất diện tích 415,1 m² cha mẹ ông đã tặng cho ông và ông T, hiện ông T đang quản lý sử dụng, 02 phần đất còn lại cha ông còn đứng tên, đang bỏ trống không ai quản lý. Khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì cha mẹ ông hoàn toàn khỏe mạnh, mẹ ông không đến Ủy ban nhân dân xã lập hợp đồng mà cán bộ tư pháp xã B đến cho mẹ điểm chỉ tay. Còn cha ông có đến Ủy ban nhân dân xã ký tên vào hợp đồng tặng cho. Nhà cách Ủy ban nhân dân xã 100 mét nhưng không chở mẹ đến làm hợp đồng vì chở đi cực khổ nên nhờ cán bộ tư pháp xã đến nhà. Mẹ ông chết do ông là người đi khai tử. Phần đất 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B cha mẹ ông cho chung ông và ông T, không cho cụ thể mỗi người bao nhiêu. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn Á là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn M,

bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn M2, bà Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

2. Bà Trần Thị Hồng S2 trình bày: Bà đã ly thân với Nguyễn Văn C từ năm 2017, trong thời gian chung sống có làm thêm mái hiên trước nhà, ngoài ra không đóng góp gì nữa, bà không ý kiến, yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 457, 459, 500, 503, 612 của Bộ luật Dân sự và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T.

2. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 616 m² đất thuộc thửa số 277, tờ bản đồ số 17 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19-6-2007 cho ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị B đứng tên và diện tích 7.189 m² đất thuộc thửa đất số 371, 386, 387, 397, 399, 399, 400, 409, 410, 411 tờ bản đồ số 23, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09-8-2007 cho ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị B đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra bản án quyết định về án phí; chi phí tố tụng; nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 30-9-2020, ông Huỳnh Văn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DS-ST ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 20- 7- 2018, ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Huỳnh Văn Á tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ngày 30- 9- 2020 Tòa án huyện Gò Dầu xét xử vụ án, ngày 30- 9- 2020 ông Á kháng cáo còn trong thời hạn nên kháng cáo của ông Á hợp lệ.

[2] Về nội dung: Cụ Nguyễn Văn Th và mẹ cụ Huỳnh Thị B có 9 người con gồm: ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn M2, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn H, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn sống, cụ Th và cụ B có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-9-2013, trên đất có căn nhà cấp 4, nguồn gốc đất do ông Thời và bà Bê mua lại của người khác. Cụ Th chết 2017, cụ B chết 2015, hai cụ chết không để lại di chúc.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn Á là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H.

[3.1] Xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 415,1m2 thửa 96, tờ bản đồ số 25 được chứng thực ngày 20-5-2015 số 35, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Ủy ban nhân dân xã B, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1.1] Trong hồ sơ có 02 giấy chứng tử của cụ B: Một giấy ghi ngày 18-5-2015 do ông H cung cấp, một giấy ghi ngày 05-6-2015 do ông C cung cấp. Ông H cho rằng cụ B chết ngày 18-5-2015 nhưng đến ngày 20-5-2015 thì cụ Th, cụ B mới làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng phần đất diện tích 415,1 m² thửa số 96, tờ bản đồ số 25, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C được UBND xã B chứng thực vào ngày 20-5-2015 cho ông T, ông C nên ông H yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho là vô hiệu vì tại thời điểm làm hợp đồng tặng cho thì cụ B đã chết. Tuy nhiên, ông C cung cấp ảnh chụp phần mộ của cụ B ghi ngày chết là 05-6-2015 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn của ông H xác định ngày 20-5-2015 cụ B còn sống, có nghĩa là giấy chứng tử ghi ngày 18-5-2015 do ông H cung cấp là sai. Như vậy, cụ B làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T, ông C vào ngày ngày 20-5-2015 vào thời điểm này cụ B còn sống là có cơ sở.

[3.1.2] Đại diện nguyên đơn cho rằng tại thời điểm tặng cho thì cụ Th bị bệnh nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não từ năm 2014 đến thời điểm ký hợp đồng thì cụ Th bị bệnh tai biến mạch máu não lần 2, cụ thể bị liệt tay phải nên không thể ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T, ông C được. Tại Công văn số 113/UBND ngày 08-11-2018, Ủy ban nhân dân xã B phúc đáp: Tại

thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Th, cụ B với ông T, ông C thì cụ Th, cụ B tinh thần minh mẫn, sức khỏe đảm bảo để lập, ký hợp đồng tặng cho, việc tặng cho là tự nguyện. Cụ Th trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã B để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông C và ông T, còn cụ B do đi lại khó khăn nên Ủy ban nhân dân xã cử công chức tư pháp hộ tịch đến nhà cho cụ B trực tiếp lăn tay vào hợp đồng. Tại Biên bản lấy lời khai của ông Phạm Như H (công chức tư pháp xã B năm 2015) và ông Võ Thành T (công chức địa chính xã B năm 2015) cũng xác nhận vào thời điểm lập hợp đồng tặng cho có mặt cụ Th, ông T, ông C, còn cụ B không đến Ủy ban nhân dân xã B được nên xã có cử ông H đến nhà cho cụ B lăn tay nhưng tinh thần cụ B còn minh mẫn. Lời trình bày của H, ông T phù hợp với nội dung Công văn phúc đáp số 113/UBND ngày 08-11-2018, Ủy ban nhân dân xã B. Tại Kết luận giám định số 1159/KL-KTHS ngày 25-8-2019 kết luận chữ viết Th trong tài liệu cần giám định với chữ viết trên các tài liệu mẫu do cùng một người viết ra.

[3.1.3] Theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 có quy định: “. . . Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng giao dịch.” Trường hợp của cụ B không ký được nhưng cụ B điểm chỉ được nên không cần phải có người làm chứng. Như vậy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Th, cụ B với ông T, ông C được lập và chứng thực đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 415,1 m² thửa 96, tờ bản đồ số 25 được chứng thực ngày 20-5-2015 số 35, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại UBND xã B là vô hiệu, do đó không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích 415,1 m² thửa 96, tờ bản đồ số 25 của ông H là có căn cứ. Ông Á là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng gì mới do đó không có cơ sở chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn Á là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, do đó ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012253 ngày 06-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 457, 459, 500, 503, 612 của Bộ luật Dân sự và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016;

1. Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu của ông Nguyễn Văn H đối với ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T.

2. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 616 m² đất thuộc thửa số 277, tờ bản đồ số 17 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 19-6-2007 cho ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị B đứng tên và diện tích 7.189 m² đất thuộc thửa đất số 371, 386, 387, 397, 399, 399, 400, 409, 410, 411 tờ bản đồ số 23, do Ủy ban nhân dân huyện Gò Dầu cấp ngày 09-8-2007 cho ông Nguyễn Văn Th và bà Huỳnh Thị B đứng tên. Đất tọa lạc tại ấp A1, xã A2, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Ông H phải chịu 8.860.000 đồng. Ông T phải chịu 1.900.000 đồng. (Ghi nhận ông H và ông T đã nộp xong).

4. Về chi phí giám định: Ông H phải chịu 2.040.000 đồng.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp 2.800.000 đồng theo biên lai thu số 0013714 ngày 12-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, nên Hoàn trả cho ông H 2.200.000 đồng. Hoàn trả cho ông T 1.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0008592 ngày 27-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0012253 ngày 06-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

7. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THA huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mai Dung